

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

**DANH SÁCH TỔNG HỢP KẾT QUẢ
SỐ NGÀY CÔNG TÁC XÃ HỘI SINH VIÊN KHÓA 2021 ĐÃ THỰC HIỆN**
(Đợt tổng hợp tháng 6/2025 tính đến ngày 30/06/2025)

Khoa: Quản trị kinh doanh

Số ngày sinh viên cần thực hiện: 10

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
1	DH72105284	Nguyễn Thị Mai Anh	D21_KD01	6	-	-	6	-	-	-	-	-	4
2	DH72106623	Lê Thị Kim Chi	D21_KD01	16.5	0.5	0.5	6	-	-	9.5	-	-	0
3	DH71800189	Hồ Minh Chí	D21_KD01	10	Miễn thực hiện ngày CTXH								0
4	DH72113252	Nguyễn Hoàng Duy	D21_KD01	12.5	-	-	6	2.5	-	3	1	-	0
5	DH72106115	Nguyễn Thanh Duy	D21_KD01	15.5	-	-	6	-	-	9.5	-	-	0
6	DH72000675	Trần Cẩm Duy	D21_KD01	9	-	-	6	0.5	-	2.5	-	-	1
7	DH72106493	Huỳnh Khánh Duyên	D21_KD01	17.5	-	-	6	2.5	-	8	1	-	0
8	DH72106561	Nguyễn Trần Mỹ Duyên	D21_KD01	16	0.5	0.5	6	-	-	9	-	-	0
9	DH72105358	Ngô Minh Hiền	D21_KD01	17	-	1	8	-	-	7	1	-	0
10	DH72106020	Đặng Thị Hoa	D21_KD01	11.5	-	0.5	6	0.5	-	4.5	-	-	0
11	DH72106529	Nguyễn Phi Hùng	D21_KD01	38.5	-	-	6	-	-	29.5	-	3	0
12	DH72100526	Trần Chí Hùng	D21_KD01	14.5	-	-	6.5	0.5	-	7.5	-	-	0
13	DH72004154	Đặng Duy Khang	D21_KD01	5	-	-	6	-	-	-1	-	-	5
14	DH72103324	Trần Tiến Minh Khang	D21_KD01	14	-	-	13	0.5	-	0.5	-	-	0
15	DH72101196	Võ Nhật Minh Khoa	D21_KD01	5.5	-	-	4	0.5	-	1	-	-	4.5
16	DH72106027	Ngô Lý Khánh Linh	D21_KD01	14.5	-	0.5	5	0.5	1	6.5	1	-	0
17	DH72104542	Nguyễn Thị ánh Loan	D21_KD01	15.5	-	-	5	0.5	1	6	-	3	0
18	DH72100226	Trần Văn Minh	D21_KD01	4	-	-	4	-	-	-	-	-	6
19	DH72005969	Lâm Thị Bích Ngân	D21_KD01	14.5	0.5	-	4	1.5	-	8.5	-	-	0
20	DH72107785	Nguyễn Thị Xuân Nghi	D21_KD01	4.5	-	0.5	4	-	-	-	-	-	5.5
21	DH72004756	Võ Thị Thu Nghiêm	D21_KD01	13.5	0.5	-	4	1	-	8	-	-	0
22	DH72107726	Nguyễn Thị Bích Ngọc	D21_KD01	5	-	-	4	-	-	1	-	-	5
23	DH72107506	Đặng Danh Anh Nguyên	D21_KD01	11	-	-	11	-	-	-	-	-	0
24	DH72001103	Nguyễn Thị Thanh Nhã	D21_KD01	11.5	-	-	2	1	-	8.5	-	-	0
25	DH72100494	Trần Ngô Huệ Nhân	D21_KD01	11	-	-	3	0.5	1	6.5	-	-	0
26	DH72106244	Phạm Thị Tuyết Nhi	D21_KD01	5	-	-	3.5	-	-	1.5	-	-	5

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
27	DH72106181	Võ Thị Tuyết Nhi	D21_KD01	7.5	-	-	2	-	-	5.5	-	-	2.5
28	DH72100712	Nguyễn Hồ Tâm Như	D21_KD01	2	-	-	2	-	-	-	-	-	8
29	DH72108271	Nguyễn Thành Phát	D21_KD01	2	-	-	2	-	-	-	-	-	8
30	DH72100824	Võ Mai Phương	D21_KD01	8.5	-	-	2	0.5	-	6	-	-	1.5
31	DH72100490	Nguyễn Lê Tấn Quang	D21_KD01	7.5	-	-	2	-	-	5.5	-	-	2.5
32	DH72105421	Phạm Như Quỳnh	D21_KD01	10.5	-	-	3	0.5	-	7	-	-	0
33	DH72100912	Dương Thị Yến Thanh	D21_KD01	6	-	-	3.5	-	-	2.5	-	-	4
34	DH72101151	Lương Thùy Thanh Thảo	D21_KD01	10	-	0.5	2	0.5	-	7	-	-	0
35	DH72100988	Nguyễn Thị Lệ Thu	D21_KD01	13.5	-	-	2	-	-	10.5	-	1	0
36	DH72103368	Trần Thị Kim Thu	D21_KD01	11	-	-	10	0.5	-	0.5	-	-	0
37	DH72106137	Nguyễn Anh Thư	D21_KD01	2.5	-	0.5	0.5	-	-	1.5	-	-	7.5
38	DH72108296	Nguyễn Thị Anh Thy	D21_KD01	10.5	-	0.5	3	0.5	-	6.5	-	-	0
39	DH72100491	Phùng Cảnh Tín	D21_KD01	4	-	0.5	-	0.5	-	3	-	-	6
40	DH72105569	Phạm Hồng Đoan Trang	D21_KD01	6	-	-	0.5	2.5	-	3	-	-	4
41	DH72100417	Nguyễn Duy Trung	D21_KD01	3.5	-	-	-	-	-	3.5	-	-	6.5
42	DH72004201	Phạm Tấn Tú	D21_KD01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
43	DH72101148	Nguyễn Huỳnh Tuấn	D21_KD01	4	-	0.5	-	0.5	-	3	-	-	6
44	DH72100225	Phan Nguyễn Thảo Vi	D21_KD01	3	-	-	0.5	0.5	-	2	-	-	7
45	DH72103281	Nguyễn Hoàng Vũ	D21_KD01	6	-	-	-	0.5	-	5.5	-	-	4
46	DH72101751	Đặng Lê Thanh Vy	D21_KD01	13	6	-	-	0.5	-	6.5	-	-	0
47	DH72104541	Đào Nguyên Như ý	D21_KD01	9.5	-	0.5	1.5	3	-	4.5	-	-	0.5
48	DH72109591	Nguyễn Trung An	D21_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
49	DH72109647	Lê Thị Diễm Châu	D21_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
50	DH72109657	Đình Tiến Công	D21_KD02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
51	DH72108996	Nguyễn Thị Bé Diệu	D21_KD02	4	0.5	-	-	2.5	-	1	-	-	6
52	DH72113737	Mai Thành Đạt	D21_KD02	20	0.5	1	-	0.5	-	12	-	6	0
53	DH72113472	Nguyễn Duy Đạt	D21_KD02	1.5	-	-	-	0.5	-	1	-	-	8.5
54	DH72109709	Phan Quốc Điền	D21_KD02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
55	DH72109728	Đỗ Trọng Nguyên Giáp	D21_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
56	DH72109741	Bành Gia Hạnh	D21_KD02	8	-	-	2	0.5	2	3.5	-	-	2
57	DH72106989	Nguyễn Trung Hiếu	D21_KD02	3.5	-	0.5	-	0.5	-	2.5	-	-	6.5

STT	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
58	DH72109811	Huỳnh Huy	Hoàng	D21_KD02	5	-	-	-	0.5	-	4.5	-	-	5
59	DH72109833	Nguyễn Phi	Hùng	D21_KD02	13.5	-	1	-	0.5	-	12	-	-	0
60	DH72109854	Võ Thị Như	Huỳnh	D21_KD02	5	-	-	-	2.5	-	1.5	1	-	5
61	DH72109886	Võ Hoài Kim	Khánh	D21_KD02	4.5	1	0.5	-	0.5	-	2.5	-	-	5.5
62	DH72113132	Nguyễn Anh	Khuyên	D21_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
63	DH72109899	Phạm Anh	Kiệt	D21_KD02	4	-	-	1	0.5	-	2.5	-	-	6
64	DH72109951	Mai Thiên	Lộc	D21_KD02	13	0.5	1	1	0.5	-	10	-	-	0
65	DH72114701	Trần Nhật	Minh	D21_KD02	1.5	-	-	1	-	-	0.5	-	-	8.5
66	DH72114677	Võ Tuyền Ngọc	Minh	D21_KD02	17.5	-	-	1	8.5	-	8	-	-	0
67	DH72109998	Trần Thị Hải	My	D21_KD02	13.5	-	0.5	2	0.5	-	4.5	-	6	0
68	DH72110001	Ngô Gia	Mỹ	D21_KD02	3.5	-	-	2	-	-	1.5	-	-	6.5
69	DH72107014	Cao Nguyễn Thị Thùy	My	D21_KD02	7	-	-	2	0.5	-	4.5	-	-	3
70	DH72114624	Đỗ Thị Như	My	D21_KD02	13.5	-	-	2	2.5	-	9	-	-	0
71	DH72110017	Lê Thanh	Ngân	D21_KD02	12.5	-	0.5	6	0.5	-	5.5	-	-	0
72	DH72110026	Nguyễn Thị Phương	Ngân	D21_KD02	12.5	-	1	2	0.5	-	9	-	-	0
73	DH72114566	Võ Thảo	Nguyên	D21_KD02	11	-	-	2	0.5	-	8.5	-	-	0
74	DH72113509	Phan Thị Phương	Nhi	D21_KD02	13.5	-	1.5	2	1.5	-	8.5	-	-	0
75	DH72101504	Phạm Văn	Phú	D21_KD02	9	-	-	3	0.5	-	5.5	-	-	1
76	DH72110146	Nguyễn Việt	Phúc	D21_KD02	2.5	-	-	2	-	-	0.5	-	-	7.5
77	DH72110157	Vân Thị Thu	Phương	D21_KD02	12	-	1	2	0.5	-	8.5	-	-	0
78	DH72110190	Lương Mạnh	Quyền	D21_KD02	2	-	-	2	-	-	-	-	-	8
79	DH72110235	Nguyễn Huỳnh Tiến	Thành	D21_KD02	3	-	-	2	-	-	1	-	-	7
80	DH72100660	Lê Hoàng	Thông	D21_KD02	15	-	-	2	1.5	-	10.5	1	-	0
81	DH72110300	Nguyễn Đặng Phương	Thùy	D21_KD02	22.5	15.5	-	2	-	-	5	-	-	0
82	DH72110315	Nguyễn Điều Minh	Thư	D21_KD02	4.5	-	-	2	1.5	-	1	-	-	5.5
83	DH72114600	Phạm Nguyễn Anh	Thư	D21_KD02	11.5	-	-	2	0.5	-	9	-	-	0
84	DH72110348	Nguyễn Việt Khánh	Toàn	D21_KD02	2	-	-	2	-	-	-	-	-	8
85	DH72110352	Nguyễn Quỳnh	Trang	D21_KD02	10	-	1	2	3.5	-	3.5	-	-	0
86	DH72114017	Nguyễn Thị Thùy	Trang	D21_KD02	10.5	-	-	2	2.5	-	6	-	-	0
87	DH72110399	Lê Nguyễn Thanh	Trúc	D21_KD02	13.5	-	-	2	3.5	-	7	1	-	0
88	DH72114031	Đỗ Thị Thanh	Tuyền	D21_KD02	13.5	11	-	2	-	-	0.5	-	-	0

STT	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
89	DH72110437	Hà Thanh	Tuyền	D21_KD02	15	-	-	3	1.5	-	4.5	-	6	0
90	DH72109149	Trần Thị Tường	Vân	D21_KD02	8.5	-	-	3	1	-	4.5	-	-	1.5
91	DH72113273	Nguyễn Phát	Vũ	D21_KD02	2	-	-	2	-	-	-	-	-	8
92	DH72110517	Huỳnh Thụy Hoàng	Yến	D21_KD02	14	-	-	2	5	-	7	-	-	0
93	DH72107218	Dur Thị Kim	An	D21_MAR01	30.5	28	-	2	-	-	0.5	-	-	0
94	DH72113831	Trần Nguyên	An	D21_MAR01	12.5	-	-	2	0.5	-	10	-	-	0
95	DH72106635	Nguyễn Vũ Vân	Anh	D21_MAR01	6	-	-	2	0.5	-	3.5	-	-	4
96	DH72114137	Nguyễn Ngọc Gia	Bảo	D21_MAR01	2	-	-	2	-	-	-	-	-	8
97	DH72100948	Trịnh Thế	Bảo	D21_MAR01	20	12	-	3	-	-	5	-	-	0
98	DH72106595	Nguyễn Công	Bắc	D21_MAR01	15.5	13.5	-	2	-	-	-	-	-	0
99	DH72114535	Đỗ Vũ	Bằng	D21_MAR01	53	-	-	2	47	3	1	-	-	0
100	DH72108625	Trần Thị	Châu	D21_MAR01	6	-	0.5	2	2.5	-	1	-	-	4
101	DH72114141	Dương Thị Mỹ	Dung	D21_MAR01	11	-	-	2	0.5	-	8.5	-	-	0
102	DH72100987	Nguyễn Công	Duy	D21_MAR01	11.5	9	-	2	-	-	0.5	-	-	0
103	DH72101394	Nguyễn Hữu	Đặng	D21_MAR01	28	24	0.5	2	-	-	1.5	-	-	0
104	DH72108539	Huỳnh Thị Nhật	Định	D21_MAR01	5	-	-	2	2	-	-	1	-	5
105	DH72113915	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Giang	D21_MAR01	15	-	-	3	0.5	-	11.5	-	-	0
106	DH72114455	Nguyễn Phan Ngọc	Hải	D21_MAR01	2	-	-	2	-	-	-	-	-	8
107	DH72114402	Đặng Thị Hồng	Hạnh	D21_MAR01	10.5	-	1	2	2.5	-	5	-	-	0
108	DH72114181	Trịnh Mỹ	Hạnh	D21_MAR01	11.5	-	0.5	2	2.5	-	6.5	-	-	0
109	DH72113964	Nguyễn Lê Xuân	Hào	D21_MAR01	16.5	-	0.5	1	2.5	-	12.5	-	-	0
110	DH72114673	Nguyễn Ngọc Gia	Hân	D21_MAR01	7.5	-	-	1	2.5	-	4	-	-	2.5
111	DH72106501	Nguyễn Thị Khánh	Hiền	D21_MAR01	8	-	-	1	2	-	5	-	-	2
112	DH72114099	Trần Đặng Khánh	Hiền	D21_MAR01	13.5	-	-	1	2.5	-	10	-	-	0
113	DH72114205	Nguyễn Đình	Hiếu	D21_MAR01	15	15	-	-	-	-	-	-	-	0
114	DH72104786	Nguyễn Lê Chí	Hiếu	D21_MAR01	12.5	-	-	-	0.5	1	2.5	1	7.5	0
115	DH72109817	Phan Văn	Hoàng	D21_MAR01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
116	DH72100169	Võ Thị Cẩm	Hồng	D21_MAR01	15	12	-	-	0.5	-	2.5	-	-	0
117	DH72114101	Nguyễn Thị Minh	Huyền	D21_MAR01	11	-	-	-	0.5	-	10.5	-	-	0
118	DH72006585	Lê Hồng Anh	Kiệt	D21_MAR01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
119	DH72108761	Huỳnh Chí	Lâm	D21_MAR01	3.5	-	-	-	-	-	3.5	-	-	6.5

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
120	DH72114286	Trần Đức Lân	D21_MAR01	8	-	0.5	-	0.5	-	7	-	-	2
121	DH72114023	Nguyễn Thị Thùy Linh	D21_MAR01	9.5	-	0.5	-	3.5	-	5.5	-	-	0.5
122	DH72103443	Võ Thị Linh	D21_MAR01	13.5	-	-	-	1.5	-	12	-	-	0
123	DH72100404	Lê Thanh My	D21_MAR01	6	-	-	-	2.5	-	3.5	-	-	4
124	DH72114625	Nguyễn Lê Thảo My	D21_MAR01	12	-	-	-	2	-	10	-	-	0
125	DH72102639	Lê Thị Bích Ngọc	D21_MAR01	8.5	-	0.5	-	2.5	-	5.5	-	-	1.5
126	DH72114252	Tạ Thị Thanh Ngọc	D21_MAR01	10.5	-	1	0.5	3.5	-	5.5	-	-	0
127	DH72114640	Trần Thị ánh Nguyệt	D21_MAR01	15	5.5	-	-	-	-	9.5	-	-	0
128	DH72106180	Lê Thị Yến Nhi	D21_MAR01	8	-	-	-	-	-	8	-	-	2
129	DH72108666	Trương Thị Hồng Nhung	D21_MAR01	4	-	-	-	2.5	-	1.5	-	-	6
130	DH72114616	Võ Thị Hồng Nhung	D21_MAR01	10.5	-	0.5	0.5	3.5	-	6	-	-	0
131	DH72005445	Huỳnh Công Phúc	D21_MAR01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
132	DH72109170	Tô Tuấn Quang	D21_MAR01	24.5	15	-	0.5	-	-	9	-	-	0
133	DH72114130	Nguyễn Hoàng Quân	D21_MAR01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
134	DH72114562	Bùi Trí Quyền	D21_MAR01	0.5	-	-	-	0.5	-	-	-	-	9.5
135	DH72114210	Võ Khánh Sinh	D21_MAR01	2.5	-	-	-	0.5	-	2	-	-	7.5
136	DH72114218	Trần Văn Tài	D21_MAR01	7	-	-	-	0.5	-	6.5	-	-	3
137	DH72101060	Huỳnh Ngọc Lai Thanh	D21_MAR01	4.5	-	-	0.5	2.5	-	1.5	-	-	5.5
138	DH72114222	Trần Quốc Thắng	D21_MAR01	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
139	DH72110299	Cao Nguyễn Thị Thùy	D21_MAR01	10	3	0.5	-	0.5	-	6	-	-	0
140	DH72114635	Nguyễn Phương Thúy	D21_MAR01	13.5	3	-	-	0.5	-	10	-	-	0
141	DH72114157	Trần Thị Kim Thúy	D21_MAR01	9.5	-	1	0.5	1.5	-	6.5	-	-	0.5
142	DH72106741	Trần Võ Minh Thư	D21_MAR01	11	-	0.5	-	-	-	10.5	-	-	0
143	DH72113863	Nguyễn Thị Nhật Thương	D21_MAR01	14.5	-	-	-	2	-	12.5	-	-	0
144	DH72114429	Trần Thị Thùy Tiên	D21_MAR01	13	3	0.5	-	0.5	-	9	-	-	0
145	DH72114633	Võ Trương Hà Tiên	D21_MAR01	8.5	-	-	-	2	-	6.5	-	-	1.5
146	DH72104618	Trần Lê Huỳnh Tím	D21_MAR01	9	-	-	5.5	0.5	-	3	-	-	1
147	DH72114248	Nguyễn Trần Quyên Trâm	D21_MAR01	15	-	-	-	0.5	-	10	-	4.5	0
148	DH72103713	Trần Hoàng Thanh Trúc	D21_MAR01	11	-	0.5	-	-	-	10.5	-	-	0
149	DH72102380	Mai Cẩm Tú	D21_MAR01	9.5	-	-	6	0.5	-	3	-	-	0.5
150	DH72105261	Trần Thị Cẩm Tú	D21_MAR01	5	-	-	0.5	0.5	-	4	-	-	5

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
151	DH72114068	Nguyễn Vũ Như Uyên	D21_MAR01	11	5.5	-	-	1.5	-	4	-	-	0
152	DH72108693	Trần Ngọc Bảo Uyên	D21_MAR01	9.5	-	-	-	0.5	-	9	-	-	0.5
153	DH72108738	Đỗ Nguyễn Tường Vy	D21_MAR01	5	-	-	0.5	2.5	-	2	-	-	5
154	DH72106112	Nguyễn Thụy Thanh Vy	D21_MAR01	12.5	-	-	-	3.5	-	9	-	-	0
155	DH72103582	Văn Minh Khánh Vy	D21_MAR01	0.5	-	-	-	0.5	-	-	-	-	9.5
156	DH72114297	Đào Thị ánh Xuân	D21_MAR01	13	-	0.5	-	4.5	-	8	-	-	0
157	DH72109593	Trần Nguyễn Duy An	D21_MAR02	10	-	-	-	5	-	5	-	-	0
158	DH72109636	Trương Nguyễn Gia Bảo	D21_MAR02	11.5	1	-	-	5	-	5.5	-	-	0
159	DH72109644	Nguyễn Thị Chân	D21_MAR02	9.5	2	1	-	-	-	6.5	-	-	0.5
160	DH72113327	Lê Phúc Cường	D21_MAR02	6	-	-	-	-	-	6	-	-	4
161	DH72109663	Đỗ Tiến Danh	D21_MAR02	12	-	-	-	-	5	7	-	-	0
162	DH72109693	Nguyễn Thị Trúc Dương	D21_MAR02	11	-	-	-	2.5	-	7.5	-	1	0
163	DH72109714	Nguyễn Hồ Minh Đức	D21_MAR02	24	7	-	-	-	-	17	-	-	0
164	DH72109717	Lê Thị Hồng Gấm	D21_MAR02	13.5	-	-	2	-	3	8.5	-	-	0
165	DH72109726	Võ Trường Giang	D21_MAR02	5	-	-	-	0.5	-	4.5	-	-	5
166	DH72109727	Lê Thị Quỳnh Giao	D21_MAR02	10.5	-	-	-	6	4.5	-	-	-	0
167	DH72109754	Nguyễn Thị Thúy Hằng	D21_MAR02	10	-	-	-	-	-	10	-	-	0
168	DH72109755	Phan Thị Thu Hằng	D21_MAR02	11.5	-	-	-	-	4	7.5	-	-	0
169	DH72109770	Thái Gia Hân	D21_MAR02	10.5	-	-	2	0.5	2	6	-	-	0
170	DH72110909	Nguyễn Trần Minh Hiếu	D21_MAR02	11	-	-	1	-	8	2	-	-	0
171	DH72101001	Phạm Thị Kim Hồng	D21_MAR02	16	10	-	1	0.5	-	4.5	-	-	0
172	DH72109829	Đỗ Lê Quốc Hùng	D21_MAR02	64	26	-	-	5	5	22.5	1	4.5	0
173	DH72109848	Võ Đức Huy	D21_MAR02	11	-	-	1	5	-	5	-	-	0
174	DH72109857	Nguyễn Huỳnh Tuấn Hưng	D21_MAR02	5.5	-	-	-	-	-	5.5	-	-	4.5
175	DH72114052	Phạm Quốc Kiệt	D21_MAR02	1	-	-	-	0.5	-	0.5	-	-	9
176	DH72113783	Nguyễn Thị Ngọc Linh	D21_MAR02	9.5	0.5	0.5	1	0.5	-	7	-	-	0.5
177	DH72109934	Nguyễn Thị Trúc Linh	D21_MAR02	17.5	11	-	-	0.5	2	4	-	-	0
178	DH72109946	Nguyễn Ngọc Hồng Loan	D21_MAR02	10	-	0.5	-	0.5	3	6	-	-	0
179	DH72113534	Phạm Thị Kiều Loan	D21_MAR02	4.5	-	-	-	-	-	4.5	-	-	5.5
180	DH72109952	Nguyễn Dương Tấn Lộc	D21_MAR02	15.5	-	-	-	-	4	11.5	-	-	0
181	DH72109090	Trương Thị Trúc Ly	D21_MAR02	72.5	56	-	1	0.5	4.5	10.5	-	-	0

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
182	DH72108938	Hồ Hoàng Mến	D21_MAR02	25.5	-	-	2	5	5	13.5	-	-	0
183	DH72109989	Nguyễn Gia Minh	D21_MAR02	24	7.5	-	2	5	1	7.5	-	1	0
184	DH72109069	Nguyễn Ngọc Thảo My	D21_MAR02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
185	DH72109996	Nguyễn Võ Trà My	D21_MAR02	9.5	-	-	-	2.5	-	4	3	-	0.5
186	DH72107606	Đoàn Thị Minh Nga	D21_MAR02	4.5	-	-	-	-	-	4.5	-	-	5.5
187	DH72105146	Đàng Thị Tuyết Ngân	D21_MAR02	10	-	0.5	-	0.5	-	9	-	-	0
188	DH72104592	Hồ Vũ Hồng Nhi	D21_MAR02	45	30	-	1	-	3	11	-	-	0
189	DH72110105	Trương Hồng Nhung	D21_MAR02	83	67.5	-	1	-	4	10.5	-	-	0
190	DH72113529	Hoàng Lê Tâm Như	D21_MAR02	18	15.5	-	-	-	-	2.5	-	-	0
191	DH72108716	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	D21_MAR02	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
192	DH72110122	Lê Trần Han Ny	D21_MAR02	11.5	-	-	-	1	-	9.5	1	-	0
193	DH72108868	Lê Cao Tín Phát	D21_MAR02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
194	DH72110133	Phạm Hoàng Nhật Phi	D21_MAR02	195.5	110	-	1	-	-	80.5	-	4	0
195	DH72113151	Phạm Lê Bảo Phúc	D21_MAR02	1	-	0.5	-	0.5	-	-	-	-	9
196	DH72110156	Trần Thị Thu Phương	D21_MAR02	12.5	2.5	0.5	-	2	-	7.5	-	-	0
197	DH72110167	Lê Hải Quân	D21_MAR02	1	-	-	-	0.5	-	0.5	-	-	9
198	DH72114242	Lê Nguyễn Đình Quân	D21_MAR02	27	24	-	-	-	-	3	-	-	0
199	DH72110189	Võ Thị Hoàn Quyên	D21_MAR02	25	10	-	-	-	-	10.5	-	4.5	0
200	DH72110206	Phạm Ngọc Hương Quỳnh	D21_MAR02	11.5	-	-	-	0.5	-	11	-	-	0
201	DH72109018	Trương Thúy Quỳnh	D21_MAR02	10	-	0.5	2	2.5	2	3	-	-	0
202	DH72110245	Huỳnh Ngọc Thu Thảo	D21_MAR02	2.5	0.5	-	-	-	-	2	-	-	7.5
203	DH72110246	Lê Thị Phương Thảo	D21_MAR02	11	-	0.5	-	2	-	7.5	-	1	0
204	DH72110254	Nguyễn Thị Thu Thảo	D21_MAR02	11.5	1	0.5	6	0.5	-	2.5	-	1	0
205	DH72110261	Trương Thị Phương Thảo	D21_MAR02	10.5	-	0.5	-	2.5	-	6.5	-	1	0
206	DH72110280	Lê Phước Thọ	D21_MAR02	0.5	-	-	-	0.5	-	-	-	-	9.5
207	DH72110284	Nguyễn Anh Thơ	D21_MAR02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
208	DH72110294	Nguyễn Ngọc Thuận	D21_MAR02	10.5	1	0.5	5	0.5	-	3.5	-	-	0
209	DH72112879	Lê Thị Thu Thủy	D21_MAR02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
210	DH72100117	Phan Thị Thu Thủy	D21_MAR02	38	28.5	-	1	0.5	3	5	-	-	0
211	DH72109073	Nguyễn Thị Thanh Thúy	D21_MAR02	7.5	-	-	-	-	-	7.5	-	-	2.5
212	DH72110317	Nguyễn Thị Kim Thư	D21_MAR02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
244	DH72106975	Lê Thị Mộng Kiều	D21_MAR03	3	-	-	3	-	-	-	-	-	7
245	DH72107482	Luu Thị Thúy Kiều	D21_MAR03	13.5	-	1	2.5	0.5	-	9.5	-	-	0
246	DH72107738	Nguyễn Hoàng Lâm	D21_MAR03	16.5	16	-	-	-	-	0.5	-	-	0
247	DH72107495	Nguyễn Hoàng Phi Lâm	D21_MAR03	3	-	0.5	-	-	-	2.5	-	-	7
248	DH72108617	Nguyễn Thị Thùy Linh	D21_MAR03	2.5	-	0.5	-	-	-	2	-	-	7.5
249	DH72102017	Trần Thị Mỹ Linh	D21_MAR03	8.5	-	0.5	2	0.5	-	5.5	-	-	1.5
250	DH72101577	Cao Hữu Lộc	D21_MAR03	26	20	-	-	-	-	6	-	-	0
251	DH72107876	Phạm Tấn Lộc	D21_MAR03	15.5	15	-	-	-	-	0.5	-	-	0
252	DH72106110	Vũ Hiền Lương	D21_MAR03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
253	DH72107590	Trương Hải Mi	D21_MAR03	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
254	DH72107438	Chung Nguyễn Cao Minh	D21_MAR03	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
255	DH72106737	Nguyễn Thị Tuyết Nga	D21_MAR03	10	-	0.5	-	0.5	-	8	1	-	0
256	DH72107042	Trần Hiếu Nhân	D21_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
257	DH72106446	Võ Ngọc Yên Nhi	D21_MAR03	17.5	17	-	-	-	-	0.5	-	-	0
258	DH72107464	Trương Đình Nhật Quân	D21_MAR03	5.5	0.5	0.5	-	1.5	-	3	-	-	4.5
259	DH72107632	Nguyễn Thùy Quyên	D21_MAR03	4.5	-	-	2.5	-	-	2	-	-	5.5
260	DH72107976	Nguyễn Lương Phú Sang	D21_MAR03	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
261	DH72108300	Lê Văn Tài	D21_MAR03	4	-	0.5	-	-	-	3.5	-	-	6
262	DH72107591	Bùi Như Tâm	D21_MAR03	5.5	-	0.5	1.5	3	-	0.5	-	-	4.5
263	DH72107004	Nguyễn Duy Thái	D21_MAR03	7	-	-	0.5	-	-	3.5	1	2	3
264	DH72108089	Huỳnh Ngọc Nguyệt Thảo	D21_MAR03	29	28	-	-	-	-	1	-	-	0
265	DH72108779	Lý Thanh Thảo	D21_MAR03	13	-	0.5	-	0.5	-	11	1	-	0
266	DH72107264	Dương Thành Thắng	D21_MAR03	9	-	0.5	2	0.5	-	4	2	-	1
267	DH72108031	Đặng Thị Mỹ Thơ	D21_MAR03	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
268	DH72100549	Võ Ngọc Mai Tiên	D21_MAR03	11.5	-	-	-	0.5	-	11	-	-	0
269	DH72107560	Phạm Anh Tiệp	D21_MAR03	11.5	-	0.5	1.5	0.5	-	8	1	-	0
270	DH72107404	Trần Bích Tô	D21_MAR03	3.5	-	-	1	-	-	2.5	-	-	6.5
271	DH72101179	Mat Linh Trang	D21_MAR03	7.5	-	-	-	0.5	-	7	-	-	2.5
272	DH72107777	Phạm Thị Mai Trang	D21_MAR03	59	-	-	-	-	-	59	-	-	0
273	DH72100446	Lâm Đức Trí	D21_MAR03	31	28	-	-	-	-	3	-	-	0
274	DH72107476	Ngô Hồng ánh Trúc	D21_MAR03	37	28.5	-	-	-	-	8.5	-	-	0

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
275	DH72104144	Nguyễn Trần Anh Tú	D21_MAR03	11	-	-	-	0.5	-	7.5	-	3	0
276	DH72108934	Võ Văn Tuấn	D21_MAR03	11	-	0.5	2	3.5	-	4	1	-	0
277	DH72101230	Quan Quốc Uy	D21_MAR03	42	28	-	-	-	-	14	-	-	0
278	DH72106132	Võ Thị Vân	D21_MAR03	20.5	17	-	-	-	-	3.5	-	-	0
279	DH72108206	Nguyễn Văn Vinh	D21_MAR03	11	-	0.5	1.5	3.5	-	4.5	1	-	0
280	DH72108090	Nguyễn T Vương Triệu	D21_MAR03	5.5	-	0.5	-	0.5	-	4.5	-	-	4.5
281	DH72107643	Lê Nguyễn Hồng Xuân	D21_MAR03	11	0.5	-	-	0.5	-	10	-	-	0
282	DH72108158	Trần Thị Ngọc Yến	D21_MAR03	15	-	-	-	-	4.5	10.5	-	-	0
283	DH72100445	Cao Thị Thùy An	D21_MAR04	7	0.5	0.5	-	2.5	-	3.5	-	-	3
284	DH72108257	Lê Huỳnh Anh	D21_MAR04	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
285	DH72109606	Nguyễn Lan Anh	D21_MAR04	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
286	DH72106126	Nguyễn Thị Lan Anh	D21_MAR04	10	-	-	-	2.5	-	7.5	-	-	0
287	DH72109620	Vương Thị Mai Anh	D21_MAR04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
288	DH72108669	Lâm Vũ Bảo	D21_MAR04	13.5	13.5	-	-	-	-	-	-	-	0
289	DH72100513	Phạm Thanh Bình	D21_MAR04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
290	DH72100872	Trương Thanh Bình	D21_MAR04	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
291	DH72100013	Huỳnh Bửu Doanh	D21_MAR04	11.5	-	0.5	-	2.5	-	8.5	-	-	0
292	DH72103400	Nguyễn Thị Hồng Đào	D21_MAR04	10.5	0.5	0.5	-	-	8.5	1	-	-	0
293	DH72110833	Nguyễn Thành Được	D21_MAR04	7	-	-	-	3	-	1	3	-	3
294	DH72103647	Dương Minh Hải	D21_MAR04	76.5	21	-	-	-	-	55.5	-	-	0
295	DH72109743	Châu Nhật Hào	D21_MAR04	10	-	-	-	3	-	7	-	-	0
296	DH72101049	Phạm Trần Duy Hân	D21_MAR04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
297	DH72107480	Phùng Gia Hân	D21_MAR04	15.5	14.5	-	-	-	-	1	-	-	0
298	DH72110888	Trương Minh Hiến	D21_MAR04	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
299	DH72113085	Đình Thị Thúy Hồng	D21_MAR04	79.5	-	-	-	-	-	79.5	-	-	0
300	DH72111005	Lê Anh Huy	D21_MAR04	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
301	DH72106119	Nguyễn Quốc Hưng	D21_MAR04	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
302	DH72113007	Trần Thị Thu Hương	D21_MAR04	4	-	-	-	2	-	2	-	-	6
303	DH72109872	Nguyễn Bảo Khang	D21_MAR04	23.5	21.5	-	-	-	-	2	-	-	0
304	DH72108095	Phan Gia Khánh	D21_MAR04	2.5	-	0.5	-	1	-	1	-	-	7.5
305	DH72114203	Nguyễn Thị Diễm Kiều	D21_MAR04	21	20	-	-	-	-	1	-	-	0

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
306	DH72109916	Đặng Thu Liên	D21_MAR04	10.5	-	0.5	-	1	-	9	-	-	0
307	DH72108062	Phạm Hoàng Trúc Linh	D21_MAR04	28	22	-	-	-	-	6	-	-	0
308	DH72109978	Nguyễn Thị Như Mai	D21_MAR04	18	15.5	0.5	-	-	-	2	-	-	0
309	DH72114302	Phạm Thị Tuyết Mai	D21_MAR04	12.5	10.5	-	-	0.5	-	1.5	-	-	0
310	DH72109993	Huỳnh Thị Trà My	D21_MAR04	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
311	DH72114115	Lê Nhật Nam	D21_MAR04	14	12	-	-	-	-	2	-	-	0
312	DH72104608	Phan Trọng Nam	D21_MAR04	4.5	-	-	-	-	-	-	-	4.5	5.5
313	DH72106175	Bùi Phạm Tú Ngân	D21_MAR04	8.5	-	0.5	-	2	-	6	-	-	1.5
314	DH72110013	Bùi Thị Kim Ngân	D21_MAR04	12.5	-	-	-	-	8	4.5	-	-	0
315	DH72100550	Lê Tuyết Ngân	D21_MAR04	2.5	-	-	-	2	-	0.5	-	-	7.5
316	DH72101441	Nguyễn Thị Kiều Ngân	D21_MAR04	18	18	-	-	-	-	-	-	-	0
317	DH72101311	Nguyễn Thị Kim Ngân	D21_MAR04	11	-	0.5	-	1	-	9.5	-	-	0
318	DH72113425	Lê Thanh Nguyên	D21_MAR04	12	11.5	-	-	-	-	0.5	-	-	0
319	DH72110053	Triệu Ngọc Thảo Nguyên	D21_MAR04	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
320	DH72114676	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	D21_MAR04	7.5	-	-	-	-	-	7.5	-	-	2.5
321	DH72114647	Nguyễn Thị Yên Nhi	D21_MAR04	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
322	DH72110087	Trần Ngọc Thái Nhi	D21_MAR04	34.5	28	-	-	-	-	6.5	-	-	0
323	DH72105725	Trần Yên Nhi	D21_MAR04	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
324	DH72110103	Nguyễn Thị Hồng Nhung	D21_MAR04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
325	DH72110108	Hồ Phương Như	D21_MAR04	4	-	-	-	1	-	3	-	-	6
326	DH72101435	Trần Thị Kim Oanh	D21_MAR04	8.5	-	0.5	-	5.5	-	2.5	-	-	1.5
327	DH72105784	Mai Hưng Phát	D21_MAR04	24.5	18	-	-	-	-	2	-	4.5	0
328	DH72101997	Phan Lê Loan Phương	D21_MAR04	18	18	-	-	-	-	-	-	-	0
329	DH72110179	Võ Hữu Quốc	D21_MAR04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
330	DH72104575	Phạm Thị Quý	D21_MAR04	13	-	-	-	1.5	-	11.5	-	-	0
331	DH72114411	Phạm Ngọc Sang	D21_MAR04	10.5	-	0.5	-	2.5	-	7.5	-	-	0
332	DH72110251	Nguyễn Phương Thảo	D21_MAR04	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
333	DH72114304	Nguyễn Thị Thu Thảo	D21_MAR04	16	13.5	-	-	-	-	2.5	-	-	0
334	DH72114471	Nguyễn Chí Thạo	D21_MAR04	0	-	-	-	0.5	-	-0.5	-	-	10
335	DH72110320	Tạ Vũ Anh Thư	D21_MAR04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
336	DH72110346	Hoàng Tô Đức Toàn	D21_MAR04	8.5	-	0.5	-	1	-	7	-	-	1.5

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
337	DH72101166	Phạm Ngọc Thùy Trang	D21_MAR04	10	-	0.5	1.5	5.5	-	2.5	-	-	0
338	DH72100076	Trần Nguyễn Ngọc Trâm	D21_MAR04	2	-	-	-	0.5	-	1.5	-	-	8
339	DH72110387	Liêu Thanh Ngọc Trinh	D21_MAR04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
340	DH72110392	Đặng Hữu Trọng	D21_MAR04	10	-	-	-	2	-	8	-	-	0
341	DH72100193	Nguyễn Trịnh Thanh Trúc	D21_MAR04	9	-	-	-	3	-	6	-	-	1
342	DH72100551	Phạm Thanh Trường	D21_MAR04	2	-	-	-	2	-	-	-	-	8
343	DH72100573	Huỳnh Ngọc Minh Tuấn	D21_MAR04	10	-	0.5	-	5.5	-	4	-	-	0
344	DH72110436	Bùi Thị Kim Tuyền	D21_MAR04	7	-	-	-	2.5	-	4.5	-	-	3
345	DH72113872	Nguyễn Việt Minh Vũ	D21_MAR04	25.5	21.5	-	-	-	-	4	-	-	0
346	DH72110485	Văn Đình Nguyên Vũ	D21_MAR04	11	-	0.5	-	1	-	9.5	-	-	0
347	DH72110504	Trần Lê Yến Vy	D21_MAR04	10	-	-	-	3	-	7	-	-	0
348	DH72109585	Đặng Trường An	D21_MAR05	8	-	0.5	-	2.5	-	5	-	-	2
349	DH72109641	Trần Thị Nhã Ca	D21_MAR05	12.5	-	-	10.5	-	-	2	-	-	0
350	DH72113728	Trịnh Quốc Hoàn Cầu	D21_MAR05	5	-	-	-	0.5	-	4.5	-	-	5
351	DH72114156	Trần Đăng Cơ	D21_MAR05	15.5	15	-	-	0.5	-	-	-	-	0
352	DH72113762	Đoàn Thị Xuân Diệu	D21_MAR05	13	10	-	-	-	-	2	-	1	0
353	DH72113122	Nguyễn Thành Đạt	D21_MAR05	6.5	-	-	-	-	-	6.5	-	-	3.5
354	DH72109720	Nguyễn Trà Giang	D21_MAR05	10.5	1	-	-	0.5	-	9	-	-	0
355	DH72109733	Nguyễn Hồng Hà	D21_MAR05	23.5	16.5	-	-	1.5	-	5.5	-	-	0
356	DH72109735	Nguyễn Ngọc Ngân Hà	D21_MAR05	3.5	-	-	-	-	-	3.5	-	-	6.5
357	DH72109771	Trịnh Thị Ngọc Hân	D21_MAR05	3.5	-	-	-	-	-	3.5	-	-	6.5
358	DH72114515	Nguyễn Thục Hiền	D21_MAR05	74.5	-	-	-	-	-	74.5	-	-	0
359	DH72113291	Huỳnh Trung Hiếu	D21_MAR05	13.5	0.5	1	-	0.5	-	8.5	-	3	0
360	DH72109800	Đặng Thu Hoài	D21_MAR05	2.5	-	-	-	0.5	-	2	-	-	7.5
361	DH72109851	Trịnh Mỹ Huyền	D21_MAR05	6	-	-	-	-	-	6	-	-	4
362	DH72112729	Võ Thu Huyền	D21_MAR05	7	-	-	-	-	-	7	-	-	3
363	DH72109860	Lê Thị Thu Hương	D21_MAR05	11.5	-	-	1	3.5	-	7	-	-	0
364	DH72109893	Nguyễn Ngọc Minh Khuê	D21_MAR05	19.5	15	-	-	1.5	-	3	-	-	0
365	DH72109894	Huỳnh Nguyễn Gia Khương	D21_MAR05	16	11.5	-	-	0.5	-	4	-	-	0
366	DH72113032	Nghiêm Thị Huyền Linh	D21_MAR05	13.5	-	-	-	-	-	11.5	-	2	0
367	DH72109929	Nguyễn Thị Kiều Linh	D21_MAR05	2	-	-	-	0.5	-	1.5	-	-	8

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
368	DH72109932	Nguyễn Thị Ngọc Linh	D21_MAR05	10	-	-	7	-	-	3	-	-	0
369	DH72109944	Hồ Thị Hồng Loan	D21_MAR05	8.5	-	0.5	1	-	-	7	-	-	1.5
370	DH72109982	Đình Công Mạnh	D21_MAR05	10.5	0.5	-	1	-	-	9	-	-	0
371	DH72113556	Trần Thị Thảo My	D21_MAR05	21.5	8.5	-	-	1	-	10	-	2	0
372	DH72110023	Nguyễn Thị Kim Ngân	D21_MAR05	11	10	-	-	-	-	-	-	1	0
373	DH72110032	Trương Thị Tuyết Ngân	D21_MAR05	9	-	0.5	1	-	-	7.5	-	-	1
374	DH72110037	Huỳnh Ninh Yên Ngọc	D21_MAR05	12	-	-	-	-	-	12	-	-	0
375	DH72110041	Ngô Thị Cẩm Ngọc	D21_MAR05	21.5	16.5	-	-	-	-	5	-	-	0
376	DH72110058	Phạm Thị Thanh Nhân	D21_MAR05	11	-	-	-	0.5	-	10.5	-	-	0
377	DH72110082	Nguyễn Trần Yên Nhi	D21_MAR05	10	0.5	-	-	1	-	8.5	-	-	0
378	DH72110123	Đặng Thị Hoàng Oanh	D21_MAR05	13	-	-	3	0.5	-	6.5	-	3	0
379	DH72110132	Đình Thị Phấn	D21_MAR05	9	0.5	-	1	0.5	-	6	1	-	1
380	DH72110134	Nguyễn Tiến Phong	D21_MAR05	6	-	-	1.5	-	-	4.5	-	-	4
381	DH72110143	Nguyễn Trọng Phúc	D21_MAR05	3	-	-	0.5	1	-	1.5	-	-	7
382	DH72113470	Trần Hoàng Phúc	D21_MAR05	18	13.5	-	-	1	-	3.5	-	-	0
383	DH72110158	Vũ Thị Thanh Phương	D21_MAR05	11	11	-	-	-	-	-	-	-	0
384	DH72110176	La Tâm Quốc	D21_MAR05	11.5	11	-	-	0.5	-	-	-	-	0
385	DH72110201	Nguyễn Đình Thị Yên	D21_MAR05	23.5	18.5	-	-	-	-	2	-	3	0
386	DH72110221	Nguyễn Tấn Tài	D21_MAR05	15	-	-	-	-	-	15	-	-	0
387	DH72110240	Phạm Văn Thao	D21_MAR05	7.5	-	0.5	-	2.5	-	4.5	-	-	2.5
388	DH72110258	Tổng Phương Thảo	D21_MAR05	12	0.5	-	2	-	-	9.5	-	-	0
389	DH72110266	Nguyễn Thị Hồng Thắm	D21_MAR05	11.5	0.5	-	2	-	-	9	-	-	0
390	DH72114612	Trần Đăng Xuân Thắng	D21_MAR05	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
391	DH72110281	Huỳnh Thị Kim Thoa	D21_MAR05	5	-	-	-	0.5	-	4.5	-	-	5
392	DH72110291	Cao Bảo Thuận	D21_MAR05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
393	DH72110308	Tài Nữ An Thuyên	D21_MAR05	11	-	-	-	-	-	8	-	3	0
394	DH72110321	Trần Huỳnh Ngọc Thư	D21_MAR05	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
395	DH72110324	Văn Thị Anh Thư	D21_MAR05	8.5	-	1	-	3	-	4.5	-	-	1.5
396	DH72110343	Lê Anh Toại	D21_MAR05	22	12	-	-	-	-	5	-	5	0
397	DH72112927	Nguyễn Ngọc Trác	D21_MAR05	6.5	-	-	-	0.5	-	6	-	-	3.5
398	DH72110364	Lê Thị Ngọc Trâm	D21_MAR05	11	-	-	-	0.5	-	10.5	-	-	0

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
399	DH72110370	Phạm Mỹ Phương Trâm	D21_MAR05	9	-	1	-	3	-	5	-	-	1
400	DH72110375	Lý Ngọc Bảo Trâm	D21_MAR05	3.5	-	-	-	-	-	3.5	-	-	6.5
401	DH72110379	Nguyễn Trần Bảo Trâm	D21_MAR05	23.5	16.5	-	-	1.5	-	5.5	-	-	0
402	DH72110389	Nguyễn Huỳnh Ngọc Trinh	D21_MAR05	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
403	DH72113359	Lê Diệp Thanh Trúc	D21_MAR05	1.5	-	-	-	0.5	-	1	-	-	8.5
404	DH72110410	Đặng Bảo Ngọc Trung	D21_MAR05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
405	DH72114563	Nguyễn ánh Tuyết	D21_MAR05	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
406	DH72110458	Mai Thị Phương Uyên	D21_MAR05	10	-	-	5	-	-	5	-	-	0
407	DH72110472	Phạm Lê Thảo Vân	D21_MAR05	11.5	0.5	-	2	-	-	9	-	-	0
408	DH72110478	Tiết Khánh Vi	D21_MAR05	6	-	0.5	-	2	-	3.5	-	-	4
409	DH72110480	Trương Nguyễn Thúy Vi	D21_MAR05	9	-	-	7.5	-	-	1.5	-	-	1
410	DH72110495	Nguyễn Ngọc Khánh Vy	D21_MAR05	7	-	0.5	-	2.5	-	4	-	-	3
411	DH72110496	Nguyễn Ngọc Phương Vy	D21_MAR05	3.5	-	-	-	0.5	-	3	-	-	6.5
412	DH72110499	Nguyễn Trúc Vy	D21_MAR05	6	-	0.5	-	2.5	-	3	-	-	4
413	DH72110515	Bùi Thị Yên	D21_MAR05	15.5	10.5	-	-	-	-	2	-	3	0
414	DH72106627	Nguyễn Hồng Anh	D21_TC01	5.5	-	0.5	-	0.5	-	4.5	-	-	4.5
415	DH72105313	Đặng Minh Chí	D21_TC01	9	-	-	1	0.5	-	7.5	-	-	1
416	DH72100229	Đoàn Phương Dung	D21_TC01	12	-	-	-	0.5	-	5.5	6	-	0
417	DH72106776	Lê Dương Ngọc Dung	D21_TC01	5.5	-	-	-	0.5	-	5	-	-	4.5
418	DH72104544	Lê Quỳnh Giang	D21_TC01	6.5	-	-	2.5	0.5	-	3.5	-	-	3.5
419	DH72107465	Lê Nhật Hào	D21_TC01	3.5	-	0.5	-	-	-	3	-	-	6.5
420	DH72102489	Huỳnh Thị Hiếu Hân	D21_TC01	8.5	-	1	1.5	-	-	6	-	-	1.5
421	DH72107145	Vũ Thị Tuyết Hậu	D21_TC01	5	-	0.5	-	0.5	-	4	-	-	5
422	DH72108370	Đình Thị Kim Hiền	D21_TC01	4	-	-	2.5	-	-	1.5	-	-	6
423	DH72109035	Phạm Thị Quỳnh Hoa	D21_TC01	10.5	-	0.5	-	0.5	-	9.5	-	-	0
424	DH72106053	Trần Vũ Quang Huy	D21_TC01	3.5	-	-	2	0.5	-	1	-	-	6.5
425	DH72106395	Nguyễn Thanh Hương	D21_TC01	6	-	1	-	-	-	5	-	-	4
426	DH72105152	Lê Tuấn Kiệt	D21_TC01	11.5	-	0.5	-	0.5	-	10.5	-	-	0
427	DH72105969	Huỳnh Đông Lai	D21_TC01	11.5	-	2	3	0.5	5	1	-	-	0
428	DH72100479	Võ Thị Hoàng Lan	D21_TC01	10	-	-	-	0.5	-	9.5	-	-	0
429	DH72100546	Phạm Thị Kim Loan	D21_TC01	10	-	1	2.5	1.5	-	5	-	-	0

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
430	DH72106716	Nguyễn Đoàn Đức Mạnh	D21_TC01	7	-	0.5	1	0.5	-	5	-	-	3
431	DH72107444	Nguyễn Thị Kiều Mến	D21_TC01	8	-	0.5	1	2.5	-	4	-	-	2
432	DH72100105	Lê Thị Thùy Ngân	D21_TC01	20.5	17.5	-	-	-	-	3	-	-	0
433	DH72100758	Lê Thị Hồng Ngọc	D21_TC01	3.5	-	-	-	-	1.5	2	-	-	6.5
434	DH72107357	Lê Thị Kim Ngọc	D21_TC01	17	-	-	-	0.5	-	12	-	4.5	0
435	DH72107770	Lữ Như Ngọc	D21_TC01	3	-	0.5	-	-	-	2.5	-	-	7
436	DH72105117	Trần Hồng Ngọc	D21_TC01	16	-	-	-	0.5	-	11	-	4.5	0
437	DH72108273	Nguyễn Ngọc Nguyên	D21_TC01	2.5	-	0.5	-	-	-	2	-	-	7.5
438	DH72106570	Trần Tài Nguyên	D21_TC01	6.5	-	0.5	-	-	-	6	-	-	3.5
439	DH72106518	Lê Trương Thảo Nhi	D21_TC01	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
440	DH72106578	Mai Thị Tuyết Nhi	D21_TC01	20	18	-	-	-	-	2	-	-	0
441	DH72107781	Phạm Dương Uyên Nhi	D21_TC01	16.5	15	-	-	-	-	1.5	-	-	0
442	DH72108537	Nguyễn Thị Hồng Nhung	D21_TC01	8.5	-	-	1	0.5	-	7	-	-	1.5
443	DH72107432	Lê Huỳnh Như	D21_TC01	9	-	-	1	1	-	7	-	-	1
444	DH72105571	Ngô Tấn Phát	D21_TC01	11	-	0.5	-	0.5	-	10	-	-	0
445	DH72108817	Nguyễn Đào Gia Phụng	D21_TC01	25.5	18	-	-	-	-	7.5	-	-	0
446	DH72101483	Phan Hồng Phương	D21_TC01	13.5	-	-	-	2	2	5	-	4.5	0
447	DH72103201	Lê Thị Huỳnh Quanh	D21_TC01	8.5	0.5	0.5	-	-	-	3.5	4	-	1.5
448	DH72106532	Lê Minh Quân	D21_TC01	10	-	0.5	-	-	-	9.5	-	-	0
449	DH72105951	Lê Hữu Tâm	D21_TC01	8.5	-	0.5	-	-	-	8	-	-	1.5
450	DH72100024	Phạm Nguyễn Vĩ Thái	D21_TC01	3.5	-	0.5	-	0.5	-	2.5	-	-	6.5
451	DH72100260	Đặng Ngọc Hiếu Thảo	D21_TC01	10	-	1	2	0.5	-	6.5	-	-	0
452	DH72107492	Lê Thị Huỳnh Thắm	D21_TC01	6.5	-	0.5	-	0.5	-	5.5	-	-	3.5
453	DH72108600	Bùi Quang Thiện	D21_TC01	5.5	-	0.5	-	0.5	-	4.5	-	-	4.5
454	DH72100257	Trương Kim Thơ	D21_TC01	9.5	-	1	2	0.5	-	6	-	-	0.5
455	DH72105123	Lê Thị Minh Thùy	D21_TC01	45	33.5	-	-	-	-	11.5	-	-	0
456	DH72101214	Đoàn Thị Vy Thư	D21_TC01	10	-	-	-	0.5	-	2.5	7	-	0
457	DH72101550	Nguyễn Cẩm Tiên	D21_TC01	43	19.5	2	8	-	-	13.5	-	-	0
458	DH72106636	Nguyễn Hữu Toàn	D21_TC01	11.5	-	-	-	1.5	-	8	2	-	0
459	DH72100536	Phan Nguyễn Hương Trang	D21_TC01	9	-	1	2	1.5	-	4.5	-	-	1
460	DH72108232	Triệu Thị Trang	D21_TC01	32	8.5	-	-	-	-	23.5	-	-	0

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
461	DH72106705	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	D21_TC01	13	-	-	-	0.5	-	12.5	-	-	0
462	DH72106215	Nguyễn Thanh Trúc	D21_TC01	8	-	1	2.5	-	-	4.5	-	-	2
463	DH72107470	Lê Thị Ngọc Tú	D21_TC01	19	15	-	-	0.5	-	3.5	-	-	0
464	DH72101033	Huỳnh Thị ánh Tuyết	D21_TC01	33.5	28	-	-	-	-	5.5	-	-	0
465	DH72103586	Nguyễn Huỳnh Ngọc Tuyết	D21_TC01	10.5	-	1	1	0.5	-	8	-	-	0
466	DH72104049	Cao Ngọc Thảo Uyên	D21_TC01	10	-	1	1	0.5	-	7.5	-	-	0
467	DH72107469	Võ Hồng Vân	D21_TC01	14.5	12.5	-	-	-	-	2	-	-	0
468	DH72108739	Lê Thị Phương Vy	D21_TC01	10.5	-	0.5	-	0.5	-	9.5	-	-	0
469	DH72113234	Nguyễn Hồ Bảo Anh	D21_TC02	11	-	0.5	2	1.5	-	7	-	-	0
470	DH72109617	Phan Huế Anh	D21_TC02	23	-	-	-	-	-	23	-	-	0
471	DH72100109	Nguyễn Thị Trung ánh	D21_TC02	14.5	-	-	-	0.5	-	8.5	-	5.5	0
472	DH72100553	Nguyễn Tuấn Bảo	D21_TC02	14	-	0.5	-	0.5	-	11	-	2	0
473	DH72109661	Nguyễn Phi Cường	D21_TC02	10.5	-	0.5	1	1	-	8	-	-	0
474	DH72113335	Lê Thụy Ngọc Diễm	D21_TC02	11	-	-	1	0.5	-	9.5	-	-	0
475	DH72100683	Ngô Thị Thùy Dung	D21_TC02	10.5	0.5	0.5	-	-	-	9.5	-	-	0
476	DH72109072	Phạm Thị Mỹ Dung	D21_TC02	53	18.5	-	5	-	-	29.5	-	-	0
477	DH72109676	Nguyễn Hoàng Duy	D21_TC02	3	-	0.5	-	0.5	-	2	-	-	7
478	DH72110727	Đỗ Nguyễn Nhật Dương	D21_TC02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
479	DH72103098	Đỗ Tuấn Đạt	D21_TC02	11	-	-	-	-	8.5	2.5	-	-	0
480	DH72109748	Nguyễn Quang Hào	D21_TC02	7	-	-	1	0.5	-	5.5	-	-	3
481	DH72109768	Phạm Bửu Hân	D21_TC02	44.5	33.5	1.5	-	-	-	9.5	-	-	0
482	DH72109787	Trần Thị Hiền	D21_TC02	16	11.5	0.5	-	-	-	4	-	-	0
483	DH72100459	Nguyễn Ngô Trung Hiếu	D21_TC02	13	13	-	-	-	-	-	-	-	0
484	DH72109796	Âu Mỹ Hoa	D21_TC02	12	-	-	7	1.5	-	3.5	-	-	0
485	DH72114177	Mai Huỳnh Huy	D21_TC02	8.5	0.5	-	-	0.5	-	7.5	-	-	1.5
486	DH72109841	Nguyễn Minh Nhật Huy	D21_TC02	2.5	-	-	-	0.5	-	2	-	-	7.5
487	DH72105212	Nguyễn Thị Phương Huyền	D21_TC02	249.5	159	1	-	-	-	84	-	5.5	0
488	DH72109903	Lê Võ Hoàng Kim	D21_TC02	8	-	-	-	2.5	-	5.5	-	-	2
489	DH72112860	Huỳnh Lê	D21_TC02	8	-	-	-	2.5	-	5.5	-	-	2
490	DH72109914	Đình Thanh Liêm	D21_TC02	11	-	-	2	1	-	7	1	-	0
491	DH72109919	Chung Hoàng Linh	D21_TC02	12.5	0.5	-	4	0.5	-	7.5	-	-	0

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
492	DH72109936	Nguyễn Vũ Phương Linh	D21_TC02	9.5	0.5	-	-	1.5	-	7.5	-	-	0.5
493	DH72101708	Trần Gia Khánh Linh	D21_TC02	19	15	-	-	-	-	2.5	-	1.5	0
494	DH72109940	Trần Thị Mỹ Linh	D21_TC02	11	-	-	6	0.5	-	4.5	-	-	0
495	DH72114652	Kiều Doãn Lưu	D21_TC02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
496	DH72109973	Đỗ Thị Thanh Mai	D21_TC02	25.5	0.5	-	12	-	-	12	1	-	0
497	DH72114739	Phạm Đăng Hiếu Ngân	D21_TC02	5.5	-	-	-	0.5	-	5	-	-	4.5
498	DH72114362	Nguyễn Thị Bích Ngọc	D21_TC02	60	0.5	-	-	-	-	59.5	-	-	0
499	DH72110045	Trần ái Ngọc	D21_TC02	15	-	-	13	-	-	1	1	-	0
500	DH72110052	Nguyễn Thảo Nguyên	D21_TC02	10.5	-	-	-	3	-	7.5	-	-	0
501	DH72110076	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	D21_TC02	22	15	-	-	0.5	-	6.5	-	-	0
502	DH72101568	Trần Đức Nhiên	D21_TC02	10.5	0.5	-	-	-	-	10	-	-	0
503	DH72110127	Nguyễn Thành Phát	D21_TC02	10	-	-	-	2	-	8	-	-	0
504	DH72103364	Nguyễn Thị Thu Phương	D21_TC02	10.5	-	-	-	0.5	-	9	1	-	0
505	DH72110175	Hoàng Gia Anh Quốc	D21_TC02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
506	DH72101551	Nguyễn Minh Quý	D21_TC02	11.5	-	-	-	0.5	-	11	-	-	0
507	DH72111678	Phan Lương Sỹ	D21_TC02	64.5	55	0.5	-	-	-	7	-	2	0
508	DH72100336	Nguyễn Thị Mỹ Tâm	D21_TC02	11	-	0.5	-	0.5	-	10	-	-	0
509	DH72110233	Phạm Trần Vân Thanh	D21_TC02	19.5	5.5	-	-	-	-	14	-	-	0
510	DH72111828	Nguyễn Duy Thoại	D21_TC02	3.5	-	-	2	-	-	1.5	-	-	6.5
511	DH72112824	Lê Thị Mỹ Tiên	D21_TC02	11	-	1.5	-	3.5	-	6	-	-	0
512	DH72100135	Nguyễn Thị Thủy Tiên	D21_TC02	19	0.5	0.5	-	0.5	-	14	-	3.5	0
513	DH72110338	Phạm Quốc Tiến	D21_TC02	6.5	-	-	-	-	-	6.5	-	-	3.5
514	DH72110350	Đỗ Thị Đài Trang	D21_TC02	10	-	0.5	-	1	-	6.5	2	-	0
515	DH72114549	Trần Đình Minh Tuyền	D21_TC02	12	-	0.5	4	3.5	-	4	-	-	0
516	DH72110445	Dư Kim Tuyền	D21_TC02	8	-	-	-	2.5	-	5.5	-	-	2
517	DH72110467	Huỳnh Ngọc Tuyết Vân	D21_TC02	14	-	-	10	-	-	4	-	-	0
518	DH72110484	Lê Phan Hoàng Vũ	D21_TC02	17.5	13	-	-	0.5	-	4	-	-	0
519	DH72114494	Nguyễn Ngọc Bảo Yến	D21_TC02	12.5	-	-	7	1.5	-	4	-	-	0
520	DH72109592	Phi Lê Ngọc An	D21_TC03	11	-	-	-	0.5	-	10.5	-	-	0
521	DH72113806	Đường Sở Dinh	D21_TC03	7	-	-	-	-	-	7	-	-	3
522	DH72109669	Trịnh Thị Thùy Dung	D21_TC03	13	1	-	-	1.5	-	10.5	-	-	0

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
523	DH72109712	Nguyễn Thị Thục Đoan	D21_TC03	10.5	-	0.5	-	2.5	-	6.5	1	-	0
524	DH72112889	Nguyễn Thị Kiều Giang	D21_TC03	14.5	13	0.5	-	-	-	1	-	-	0
525	DH72113038	Lương Nguyễn Dương	D21_TC03	2	0.5	-	-	-	-	1.5	-	-	8
526	DH72107534	Nguyễn Gia Hân	D21_TC03	8.5	-	-	5.5	0.5	-	2.5	-	-	1.5
527	DH72109777	Trần Thị Thu Hậu	D21_TC03	52.5	39.5	-	-	-	-	11.5	-	1.5	0
528	DH72109810	Hồ Huy Hoàng	D21_TC03	10	-	1	-	2.5	-	6.5	-	-	0
529	DH72109813	Nguyễn Thị Kim Hoàng	D21_TC03	10	-	-	-	2.5	-	7.5	-	-	0
530	DH72109825	Hồ Thị Thanh Huệ	D21_TC03	110	75.5	1.5	-	-	-	32	-	1	0
531	DH72109842	Nguyễn Quang Huy	D21_TC03	11.5	-	-	1	5	-	5.5	-	-	0
532	DH72114720	Nguyễn Duy Khánh	D21_TC03	11	0.5	0.5	-	2	-	8	-	-	0
533	DH72111154	Trần Đăng Khôi	D21_TC03	21.5	21.5	-	-	-	-	-	-	-	0
534	DH72109901	Lê Thị Thúy Kiều	D21_TC03	8.5	-	-	5.5	0.5	-	2.5	-	-	1.5
535	DH72112982	Trần Hoàng Lê	D21_TC03	10.5	-	0.5	-	2	-	8	-	-	0
536	DH72109928	Nguyễn Khánh Linh	D21_TC03	10.5	-	1	-	2.5	-	7	-	-	0
537	DH72109931	Nguyễn Thị Mỹ Linh	D21_TC03	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
538	DH72109948	Trịnh Thiêm Long	D21_TC03	8.5	-	1	-	1	-	6.5	-	-	1.5
539	DH72109949	Trương Kim Long	D21_TC03	25	24	-	-	-	-	1	-	-	0
540	DH72102822	Lưu Kim Lương	D21_TC03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
541	DH72109994	Nguyễn Lê Trà My	D21_TC03	15	-	1	-	-	-	14	-	-	0
542	DH72110011	Nguyễn Ngọc Nga	D21_TC03	11	-	0.5	-	2.5	-	8	-	-	0
543	DH72110012	Quách Ngọc Nga	D21_TC03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
544	DH72110015	Đặng Huỳnh Thiên Ngân	D21_TC03	10	-	-	-	2.5	-	7.5	-	-	0
545	DH72110021	Nguyễn Kim Ngân	D21_TC03	3	-	-	-	0.5	-	2.5	-	-	7
546	DH72110029	Phụng Châu Tuyết Ngân	D21_TC03	11.5	-	-	-	0.5	-	11	-	-	0
547	DH72110063	Phạm Nguyễn Thành Nhân	D21_TC03	9	-	-	-	-	-	9	-	-	1
548	DH72113827	La Thị Xuân Nhi	D21_TC03	8.5	-	-	-	1	-	7.5	-	-	1.5
549	DH72110072	Lê Hoài Nhi	D21_TC03	17.5	14	-	-	-	-	3.5	-	-	0
550	DH72105151	Trần Phạm Huyền Nhi	D21_TC03	2.5	-	-	-	0.5	-	2	-	-	7.5
551	DH72110098	Lê Thị Hồng Nhung	D21_TC03	11.5	-	-	-	1.5	-	10	-	-	0
552	DH72110139	Mai Trọng Phúc	D21_TC03	241.5	150	0.5	1	-	-	86	-	4.5	0
553	DH72113308	Hồ Như Phụng	D21_TC03	9	2	0.5	-	2.5	-	4	-	-	1

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
554	DH72111645	Nguyễn Văn Quỳnh	D21_TC03	10.5	-	-	-	2.5	-	8	-	-	0
555	DH72110213	Vũ Cao Sáng	D21_TC03	27	24.5	-	-	-	-	2.5	-	-	0
556	DH72110239	Tạ Phúc Thành	D21_TC03	4.5	-	0.5	-	1.5	-	2.5	-	-	5.5
557	DH72114056	Trịnh Công Thành	D21_TC03	15.5	14	0.5	-	-	-	1	-	-	0
558	DH72110277	Vũ Khánh Thiện	D21_TC03	11	-	-	-	-	-	11	-	-	0
559	DH72113943	Lê Minh Tiến	D21_TC03	5	-	0.5	-	0.5	-	4	-	-	5
560	DH72110355	Nguyễn Thị Thùy Trang	D21_TC03	14.5	14	-	-	-	-	0.5	-	-	0
561	DH72110363	Cù Nguyễn Ngọc Trâm	D21_TC03	12.5	-	-	-	0.5	-	11.5	-	0.5	0
562	DH72110383	Trần Minh Trí	D21_TC03	27.5	24	-	-	-	-	2.5	1	-	0
563	DH72110395	Dương Ngọc Thanh Trúc	D21_TC03	9.5	1	-	3	1.5	-	4	-	-	0.5
564	DH72110411	Lại Quốc Trung	D21_TC03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
565	DH72110420	Nguyễn Trần Tiến Trường	D21_TC03	9.5	-	-	1	-	-	8.5	-	-	0.5
566	DH72110470	Nguyễn Thị Cẩm Vân	D21_TC03	10.5	1.5	0.5	4	-	-	4.5	-	-	0
567	DH72106061	Huỳnh Cao Phương Vy	D21_TC03	2	-	-	-	0.5	-	1.5	-	-	8
568	DH72110511	Lê Thị Mỹ Ý	D21_TC03	40	33	-	-	-	-	6	-	1	0
569	DH72110524	Phạm Thị Ngọc Yến	D21_TC03	9.5	-	-	-	3.5	-	6	-	-	0.5
570	DH72114007	Phan Phụng Bảo Yến	D21_TC03	106	78.5	-	-	-	-	25.5	-	2	0

Tổng số SV: **570**

Đã hoàn thành: **306**

Chưa hoàn thành: **264**

***Ghi chú: Nội dung thực hiện**

- 1: Các chiến dịch tình nguyện vì cộng đồng
- 2: Hoạt động bảo vệ môi trường; Tuyên truyền phổ biến pháp luật
- 3: Hoạt động tình nguyện chăm lo đối tượng chính sách, hoàn cảnh đặc biệt,...
- 4: Các hoạt động quyên góp, cứu trợ thiên tai, dịch bệnh, ...
- 5: Lớp học tình thương; Các hoạt động công ích phục vụ xã hội
- 6: Tham gia các hoạt động phục vụ, hỗ trợ Nhà trường, ...
- 7: Hiến máu tình nguyện
- 8: Công tác cán bộ Đoàn - Hội các cấp, Ban cán sự Lớp, ...

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2025

Người lập bảng

Trưởng Phòng CTSV

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Ngân

ThS. Vũ Trọng Anh

PGS, TS. Hoàng Kim Anh